

Bản án số: 375/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/9/2025
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Nga.
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyên – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 187/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Tôn Nữ Ngọc C**, sinh năm: 1990. (có đơn xin xét xử vắng mặt)
CCCD số: 079190030574 cấp ngày 11/8/2021.

Địa chỉ cũ: Xã TN, huyện BC, Thành phố H.

Nay là xã TN, Thành phố H

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh N**; sinh năm: 1990. (vắng mặt)
CCCD số: 079090001879 cấp ngày 01/6/2016.

Địa chỉ cũ: B22/455 ấp 2, xã TN, huyện BC, Thành phố H.

Nay là xã TN, Thành phố H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 31/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tôn Nữ Ngọc C trình bày: Bà Tôn Nữ Ngọc C và ông Nguyễn Thanh N bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2017 và đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2017 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017 do Ủy ban nhân dân xã TN, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 23/3/2017. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, không có gì xảy ra. Đến tháng 5 năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Nam nhiều lần ăn chơi dẫn đến kinh tế không ông định và ông Nam thường xuyên bỏ nhà ra đi. Do đó bà Châu và ông Nam đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà Châu yêu cầu ly hôn với ông Nam.

Về con chung: Bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận bà và ông Nam chung sống với nhau không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận không có.

Ngoài ra bà Châu không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Tôn Nữ Ngọc C nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh N tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Nguyễn Thanh N hiện đang cư trú tại B22/455 ấp 2, xã TN, huyện BC, Thành phố H. Nay là xã TN, Thành phố H Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời ông Nguyễn Thanh N đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông Nam vẫn vắng mặt và bà Tôn Nữ Ngọc C thì có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Châu và ông Nam theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nam đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông Nam đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông Nam phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Châu và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017 do Ủy ban nhân dân xã TN, huyện BC, Thành phố H cấp ngày 23/3/2017 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Châu và ông Nam là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Châu xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Châu yêu cầu được ly hôn với ông Nam để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Châu hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Châu thì quan hệ vợ chồng của bà Châu và ông Nam đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không còn hòa hợp, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Châu và ông Nam là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, do ông Nam đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông Nam vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông Nam không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu đối với ông Nam.

[4] Về con chung: Bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận bà Châu và ông Nam chung sống với nhau không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và về nợ chung: Do bà Châu xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết còn ông Nam vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà Tôn Nữ Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tôn Nữ Ngọc C đối với ông Nguyễn Thanh N.

Bà Tôn Nữ Ngọc C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N. Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2017 do Ủy ban nhân dân xã TN, huyện BC, Thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân xã Tân Nhựt, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 23/3/2017 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận bà Châu và ông Nam chung sống với nhau không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Bà Tôn Nữ Ngọc C xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Tôn Nữ Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Châu đã nộp theo biên lai thu số 0052009 ngày 05/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Châu đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKS Khu vực 10, TPHCM;
- THADS, TPHCM;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



Nguyễn Trọng Hưng